TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2025/HNGĐ- ST Ngày: 13 /09/2025 (V/v: Ly hôn và yêu cầu về con chung)	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 13 – HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:* **Ông Vũ Minh Hải**.

Các hội thẩm nhân dân*:* Ông **Triệu Ngọc Vạn, ông Bùi Đức Thụy**.

-Thư ký phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Hải Loan-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa : Ông**Nguyễn Quang Đại** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở UBND huyện T cũ nay là xã T - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 08 năm 2025 về tranh chấp kiện xin ly hôn và yêu cầu về con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 29 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1978.

CCCD*:* 030178000569.

Nơi ĐKHKTT: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn*:* Anh Vũ Đình M, sinh năm 1976.(vắng mặt không ly do).

CCCD:030076000719.

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng. (có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Mai H trình bày; chị và anh Vũ Đình M kết hôn là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải

Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/09/1996 (nay là xã K- thành phố Hải Phòng).Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nết nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau nên chị H đã về sống ly thân tại gia đình bố mẹ đẻ. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Bị đơn: Anh Vũ Đình M khi Tòa án lấy lời khai và hòa giải anh không nhất trí ly hôn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất do anh M vắng mặt tại phiên tòa, khi báo xét xử lần 2 thì anh M đã có lời khai xác định vợ chồng nhiều bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi nhau, hai bên không còn tình yêu thương dành cho nhau nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị H, anh M xác định có 03 con chung là Vũ Thị Thu H1 sinh năm 1997,Vũ Tiến Đ, sinh năm 2012, Vũ Thị Ngọc A,sinh năm 2003. Hai bên xác định hai con H1, A đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng, cháu Đ đang học lớp 10 ở cùng anh M.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị H, anh M có đơn xin xử vắng mặt; quan điểm trong lời khai và đơn đề nghị xử vắng mặt hai bên đều nhất trí ly hôn, yêu cầu về con chung và không yêu cầu về tài sản và nợ chung. Không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu Vực 13- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51, 56, Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228, 238, 232, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H: Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Vũ Đình M.

Về con C: Giao con Vũ Tiến Đ sinh ngày 03/12/2012 cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 án phí sơ theo quy định của pháp luật, được trừ đi 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS khu vực 13- Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1]. **Về tố tụng**:

1.1. Về Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Vũ Đình M có địa chỉ ở thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy đinh tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS 2016, sửa đổi năm 2025, vụ án được Tòa án nhân dân khu vực 13- Hải Phòng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị H, anh M có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung**:

2.1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H xin ly hôn anh Vũ Đình M, yêu cầu giải quyết về con chung, không yêu cầu tài sản chung, nợ chung.

2.2. Hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Vũ Đình M được ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương(nay là xã K - thành phố Hải Phòng) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/09/1996, tại thời điểm kết hôn chị H và anh M đủ điều kiện kết hôn, hoàn toàn tự nguyện, điều đó thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình quy định là Hôn nhân hợp pháp.

3.3. *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyên Thị Mai H2, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H2, anh M chung sống hòa thuận đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nết nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi nhau hai bên không còn sự yêu thương trân trọng nhau, nên chị H2 đã về sống ly thân tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay. Lời khai anh M cũng xác đinh vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra sâu sắc trầm trọng, trước đó anh không nhất trí ly hôn vì con chung, sau khi Tòa án báo xét xử lần 2 anh có đơn nhất trí ly hôn với chị H2 vì xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hằn gắn được nữa. Căn cứ nhận định trên, xét mâu thuẫn giữa chị H2 và chị M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai H. Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H ly hôn anh Vũ Đình M là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. **Về con chung**: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Vũ Đình M xác định có 03 con chung là Vũ Thị Thu H1 sinh năm 1997,Vũ Tiến Đ, sinh năm 2012, Vũ Thị Ngọc A,sinh năm 2003. Hai bên xác định hai con H1, A đều đã trường thành có

cuộc sống riêng, cháu Đ đang học lớp 10 ở cùng anh M.Chị H, anh M thỏa thuận giao con Vũ Tiến Đ cho anh M trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Sự thỏa thuận trên là phù hợp vói quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên cần ghi nhận.

[4].**Về tài sản chung**: Chị H và anh M xác định không có tài sản chung, nợ chung, không đề nghị gì nên không phải giải quyết.

[5].**Về án phí**: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271,272 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai H.

2. Xử: Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn anh Vũ Đình M

3.Về con chung: Giao con Vũ Tiến Đ sinh ngày 03/12/2012 cho anh Vũ Đình M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi đủ 18 tuổi. chấp nhận sự tụ nguyện của anh M không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản quyền này của chị H.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số BLTU/25E/0000751 ngày 07/08/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự khu 13- Hải Phòng. Chị H đã hoàn thành nghĩa vụ nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đươc niêm yết tại nơi cư trú của nguyên, bị đơn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13- Hải Phòng;
-THA dân sự thành phố Hải Phòng
- UBND xã Khúc Thừa Dụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Minh Hải